

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-5-2024.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*
và con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

+Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trọng Di**

2. Bà **Trần Thị Hà**

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-5-2024, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đoàn Thị Nh.**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn Liên Hương, TP, BT.

- Bị đơn: **Nguyễn Thái Ph.**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn Liên Hương, TP, BT.

Nguyên đơn và bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn **Đoàn Thị Nh.** trình bày: bà Nh. và ông **Nguyễn Thái Ph.** kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 13-4-2007. Hôn nhân của bà Nh. và ông Ph. chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó không có sự chia sẻ, mỗi người sống mỗi nơi. Từ năm 2021, ông Ph. đi chấp hành án tại Trại giam Sông Cái với thời gian 12 năm. Bà Nh. gồng gánh kinh tế gia đình, tự nuôi nấng con cái mà không có sự góp sức của

người chồng nên mệt mỏi và không tìm thấy hạnh phúc trong cuộc hôn nhân này. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Nh. yêu cầu ly hôn với ông Ph., yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn Thái Phong (sinh ngày 21-11-2008) và Nguyễn Thái Pháp (sinh ngày 03-01-2015), không yêu cầu ông Ph. phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Ph. đang chấp hành án không có thu nhập. Về tài sản chung và nợ chung, bà Nh. trình bày không có.

2. Đối với bị đơn- ông Nguyễn Thái Ph. trình bày: Ông Ph. đồng ý ly hôn với bà Nh.. Do ông đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi hai con chung nên ông đồng ý giao hai con chung cho bà Nh. trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung vì không có thu nhập. Về tài sản chung và nợ chung, ông Ph. không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao 02 con chung chưa trưởng thành cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ông Ph. không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Đoàn Thị Nh. có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà với ông Nguyễn Thái Ph. - có nơi thường trú tại khu phố 6, thị trấn Liên Hương, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Bị đơn có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Đoàn Thị Nh. và ông Nguyễn Thái Ph. tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2007, ngày 13-4-2007 nên hôn

nhân giữa bà Nh. và ông Ph. là hôn nhân hợp pháp. Bà Nh. yêu cầu ly hôn với ông Ph. với lý do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Ph. đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các bên.

[3] Về con chung: Bà Nh. yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thái Phong (sinh ngày 21-11-2008) và Nguyễn Thái Pháp (sinh ngày 03-01-2015), không yêu cầu ông Ph. phải cấp dưỡng. Ông Ph. đồng ý và các con chung cũng đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đoàn Thị Nh. phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Nh. và ông Nguyễn Thái Ph.. Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2007, ngày 13-4-2007 của Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Nguyễn Thái Phong (sinh ngày 21-11-2008) và Nguyễn Thái Pháp (sinh ngày 03-01-2015) cho bà Đoàn Thị Nh. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái Ph. không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Đoàn Thị Nh. không yêu cầu. Ông Nguyễn Thái Ph. được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: bà Đoàn Thị Nh. phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006661, ngày 12-3-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: bà Đoàn Thị Nh. và ông Nguyễn Thái Ph. có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND BT;
- VKSND TP;
- THADS huyện TP;
- Nguyên đơn;bị đơn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền